

PHÒNG TC - KH THÀNH PHỐ

Số: 38/BC-NSNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Tây Ninh, ngày 19 tháng 3 năm 2024

DANH SÁCH ĐƠN VỊ DỰ TOÁN CẤP I

(Theo Mẫu số D01/DS kèm theo Công văn số 2728/BTC-KBNN ngày 11/3/2019 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn gửi báo cáo cung cấp thông tin tài chính để triển khai lập BCTCNN năm 2018)

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Ghi chú
		<Mã chương>.<Mã ĐBHC>.<Mã ĐVQHNS>	
1	Văn phòng HĐND - UBND	605.703HH.1030752	
2	Phòng Nội vụ	635.703HH.1030630	
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	618.703HH.1030609	
4	Phòng Kinh tế	620.703HH.1076610	
5	Phòng Quản lý đô thị	619.703HH.1076609	
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	626.703HH.1030363	
7	Thanh tra	637.703HH.1030600	
8	Phòng Tư pháp	614.703HH.1030608	
9	Phòng Lao động - TB&XH	624.703HH.1030508	
10	Phòng Văn hoá và Thông tin	625.703HH.1030509	
11	Phòng Giáo dục và Đào tạo	622.703HH.1030601	
12	UB Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố	710.703HH.1030365	
13	Đoàn Thanh niên CSHCM	711.703HH.1030603	
14	Hội Liên hiệp Phụ nữ	712.703HH.1030366	
15	Hội Nông dân Việt Nam	713.703HH.1030604	
16	Hội Cựu chiến binh	714.703HH.1030357	
17	Trung tâm Phát triển quỹ đất Thành phố	799.703HH.1108856	
18	Trung tâm Văn hóa Thể thao và Truyền thanh	625.703HH.1030362	
19	Trường MN 1/6	799.703HH.1031063	
20	Trường MN Thái Chánh	799.703HH.1093561	
21	Trường MN Thực hành	799.703HH.1093556	
22	Trường MG Sơn Ca	799.703HH.1107873	
23	Trường MN Tuổi Ngọc	799.703HH.1107862	
24	Trường MN Hiệp Ninh	799.703HH.1107861	
25	Trường MN Vàng Anh	799.703HH.1108898	
26	Trường MN Vành Khuyên	799.703HH.1108901	
27	Trường MN Họa Mi	799.703HH.1108880	
28	Trường MN Hướng Dương	799.703HH.1108899	
29	Trường MN Hoa Mai	799.703HH.1108902	
30	Trường MN Hoa Sen	799.703HH.1108900	
31	Trường MN Hoa Cúc	799.703HH.1122447	
32	Trường TH Kim Đồng	799.703HH.1093551	
33	Trường TH Võ Thị Sáu	799.703HH.1093554	
34	Trường TH Lê Văn Tám	799.703HH.1093550	
35	Trường TH Trần Phú	799.703HH.1107864	
36	Trường TH Nguyễn Du	799.703HH.1107865	
37	Trường TH Trần Quốc Toản	799.703HH.1108875	

STT	Tên đơn vị	Mã đơn vị	Ghi chú
38	Trường TH Bùi Thị Xuân	799.703HH.1108877	
39	Trường TH Nguyễn T Bình	799.703HH.1108890	
40	Trường TH Nguyễn Thị Minh Khai	799.703HH.1108892	
41	Trường TH Trương Định	799.703HH.1108878	
42	Trường TH Nguyễn Khuyến	799.703HH.1108895	
43	Trường TH Duy Tân	799.703HH.1108894	
44	Trường TH Võ Trường Toản	799.703HH.1108896	
45	Trường TH Lê Ngọc Hân	799.703HH.1108889	
46	Trường TH La Văn Cầu	799.703HH.1108883	
47	Trường TH Hoàng Diệu	799.703HH.1108881	
48	Trường TH Nguyễn Hiền	799.703HH.1031065	
49	Trường TH Tôn Thất Tùng	799.703HH.1122449	
50	Trường THCS Nguyễn Văn Linh	799.703HH.1107868	
51	Trường THCS Nguyễn Văn Trỗi	799.703HH.1107871	
52	Trường THCS Bà Đen	799.703HH.1108879	
53	Trường THCS Phan Bội Châu	799.703HH.1093549	
54	Trường THCS Trần Hưng Đạo	799.703HH.1093548	
55	Trường THCS Chu Văn An	799.703HH.1093547	
56	Trường THCS Nguyễn Trãi	799.703HH.1093541	
57	Trường THCS Nguyễn Thái Học	799.703HH.1107869	
58	Trường THCS Nguyễn Tri Phương	799.703HH.1107870	
59	Trường THCS Nguyễn Viết Xuân	799.703HH.1107866	
60	Trường THCS Võ Văn Kiệt	799.703HH.1107867	
61	UBND phường 1	800.25456.1030605	
62	UBND phường 2	800.25468.1030352	
63	UBND phường 3	800.25459.1030361	
64	UBND phường IV	800.25462.1028417	
65	UBND phường Hiệp Ninh	800.25465.1030857	
66	UBND phường Ninh Sơn	800.25480.1030867	
67	UBND phường Ninh Thạnh	800.25483.1030868	
68	UBND xã Bình Minh	800.25477.1030353	
69	UBND xã Tân Bình	800.25474.1030866	
70	UBND xã Thạnh Tân	800.25471.1028126	

Nơi nhận:

- KBNN;
- Lưu: VT, KTN (3b).

Lưu ý: Mã địa bàn tỉnh: XX.TTT; Huyện: XXX.HH (XX là mã địa bàn hành chính nơi đơn vị hoạt động theo quy định của Tổng cục thống kê)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Văn Tùng

Trần Văn Tùng